

**PHỤ LỤC SỐ 12
APPENDIX 12**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ
NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN**

**REPORT ON RESULTS OF TRANSACTION IN SHARES/FUND CERTIFICATES OF INTERNAL
PERSON AND AFFILIATED PERSONS**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính
hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)*

*(Promulgated with the Circular No 155/2015/TT-BTC on October 06, 2015 of the Ministry of Finance
guiding the Information disclosure on securities markets)*

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH	
ĐẾN	Số: <u>44398</u>
	Ngày: <u>21/10/20</u>
Chuyển:	<u>NHES/ps</u>
Lưu hồ sơ số:	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 10 năm 2020
Ho Chi Minh City, day 16 month 10 year 2020

**BÁO CÁO KẾT QUẢ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ CỦA NGƯỜI NỘI BỘ
CỦA CÔNG TY ĐẠI CHỨNG, NGƯỜI NỘI BỘ CỦA QUỸ ĐẠI CHỨNG VÀ NGƯỜI CÓ
LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ**

**REPORT ON RESULTS OF TRANSACTION IN SHARES/FUND CERTIFICATES OF
INTERNAL PERSON OF PUBLIC COMPANY, INTERNAL PERSON OF PUBLIC FUND AND
RELATED PERSONS OF INTERNAL PERSON**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán
- Công ty đại chứng/ Công ty quản lý quỹ

To: - *The State Securities Commission*
- *The Stock Exchange*
- *The public company/ The fund management company*

1. Thông tin về cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch/ *Information on individual/ organization:*

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức/ *Name of individual/organization:* **Trần Văn Đức**

- Quốc tịch/ *Nationality:* **Việt Nam**

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp/ *ID card/Passport No. (in case of individual) or Certificate of business registration No. (in case of organization), date of issue, place of issue:* :

- Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính/ *Address:*

- Điện thoại/ *Telephone* Fax: Email: Website:

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chứng, công ty quản lý quỹ (nếu có) hoặc mối quan hệ với công ty đại chứng, công ty quản lý quỹ/ *Current position in the public company, the fund management company (if any) or relationship with the public company, the fund management company:* **Không/No**


2. Thông tin về người nội bộ của công ty đại chứng/quỹ đại chứng là người có liên quan của cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch (đối với trường hợp người thực hiện giao dịch là người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chứng/quỹ đại chứng)/ *Information about internal person of the public company/public fund is related person of trading individual/organization (in case trader is related person of internal person of the public company/public fund):*

- Họ và tên người nội bộ/ *Name of internal person:* **Trần Thị Ga**

- Quốc tịch/ *Nationality*: **Việt Nam**
- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước/ *ID card/Passport No.*:
- Địa chỉ thường trú/ *Permanent address*:
- Điện thoại liên hệ/ *Address*: Fax: Email:
- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ /*Currently position in the public company, the fund management company*: **Thành viên Hội đồng Quản trị /Member of the Board of Management**
- Môi quan hệ giữa cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch với người nội bộ/ *Relationship of individual/organization executing transaction with internal person*: **Anh ruột / Brother**
- Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ mà người nội bộ đang nắm giữ (nếu có)/ *Number, ownership proportion of shares held by the internal (if any)*: **1.912.868 cổ phiếu (4,2%) / 1,912,868 shares (4.2%)**.
- 3. Mã chứng khoán giao dịch/ *Securities code*: **SGR**
- 4. Các tài khoản giao dịch có cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nêu tại mục 3/*Trading account number with shares/fund certificates mentioned above*:
- 5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch/ *Number, ownership proportion of shares/fund certificates held before transaction*: **103.500 cổ phiếu (0,22%) / 103,500 shares (0.22%)**
- 6. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đăng ký mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/ thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/hoán đổi/ *Number of shares/fund certificates registered to purchase/ sale/ give/ be given/ donate/ be donated /inherit/ transfer/ transferred/swap*: **103.500 cổ phiếu/ 103,500 shares.**
- 7. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đã giao dịch (mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/ thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/hoán đổi) **/ *Number of shares/fund certificates traded (purchase/ sale/ give/ be given/ donate/ be donated /inherit/ transfer/ transferred/swap)*: **103.500 cổ phiếu/ 103,500 shares.**
- 8. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch/ *Number, ownership proportion of shares/fund certificates held after executing transaction*: **0 cổ phiếu (0 %) / 0 share (0 %)**
- 9. Phương thức giao dịch/ *Mode of transaction*: **Giao dịch thỏa thuận / Put – through transaction.**
- 10. Thời gian thực hiện giao dịch/ *Transaction period*: từ ngày/ *from*: **13/10/2020** đến ngày/ *to* **.../10/2020.**

** (Trong trường hợp không thực hiện hết số lượng đăng ký, người nội bộ/ người có liên quan phải giải trình nguyên nhân.)/ * (In case of failing to execute full registered number, the internal person/ related person of internal person shall need to explain the reasons.)

**CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN
NAME OF REPORTING ORGANIZATION/
INDIVIDUAL/ PERSONS AUTHORIZED TO
DISCLOSE INFORMATION**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)
(Signature, full name and seal - in case of organization)



Trần Văn Đức